

Ngày	47,500 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.5%	17.9%	4.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	33,742 - 52,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	566
Số lượng CPLH (CP)	11,920,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,170
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.24)
EPS	5,327
P/E	8.9

DT thuần

Q1/24

52.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.7| 88.8%

YoY: ▲ 13.6| 34.9%

LN trước thuế

Q1/24

23.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.9| 176%

YoY: ▲ 11.0| 88.7%

LN sau thuế

Q1/24

18.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.6| 201%

YoY: ▲ 8.91| 90.4%

ROA

2023

24.1%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2023

176

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.0| -12.6%

LN trước thuế

2023

69.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.20| 1.9%

LN sau thuế

2023

54.9

tỷ VNĐ

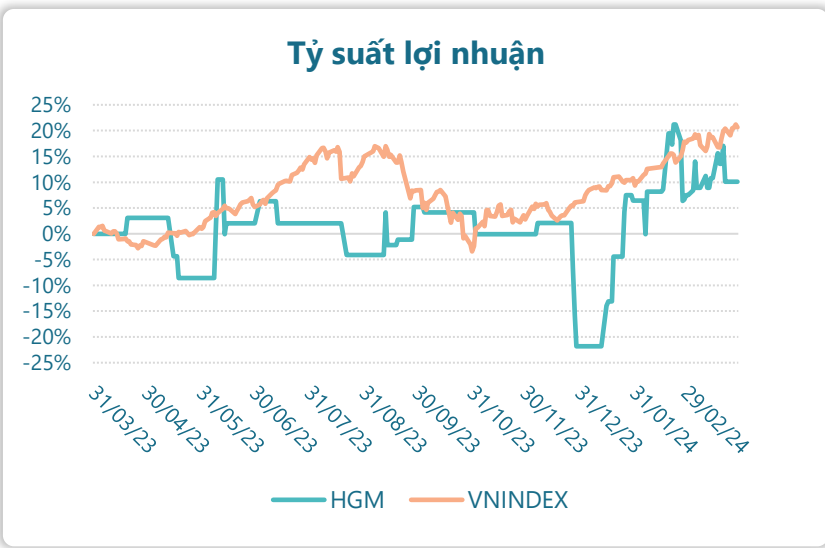
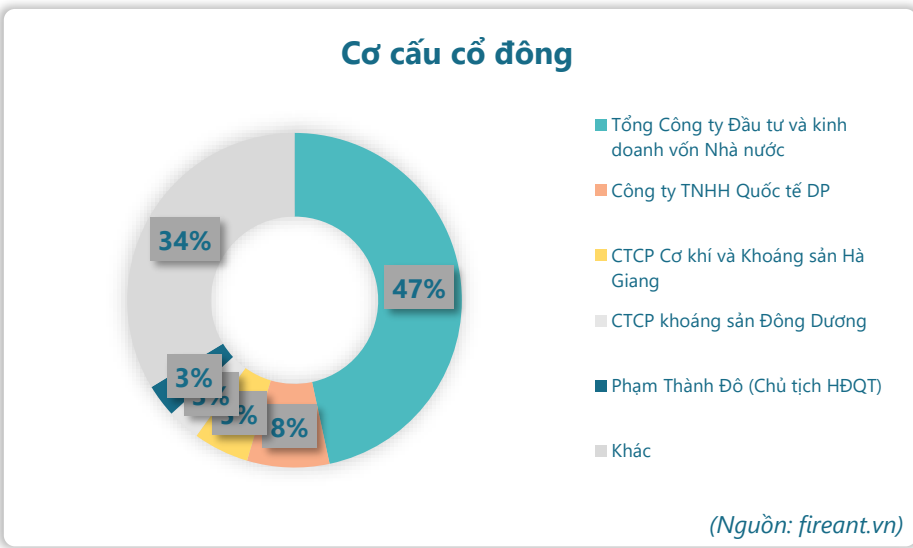
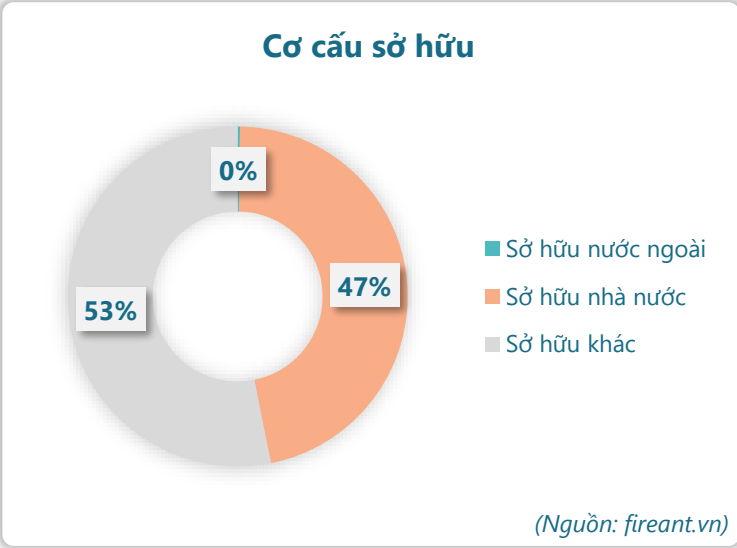
YoY: ▲ 1.00| 1.7%

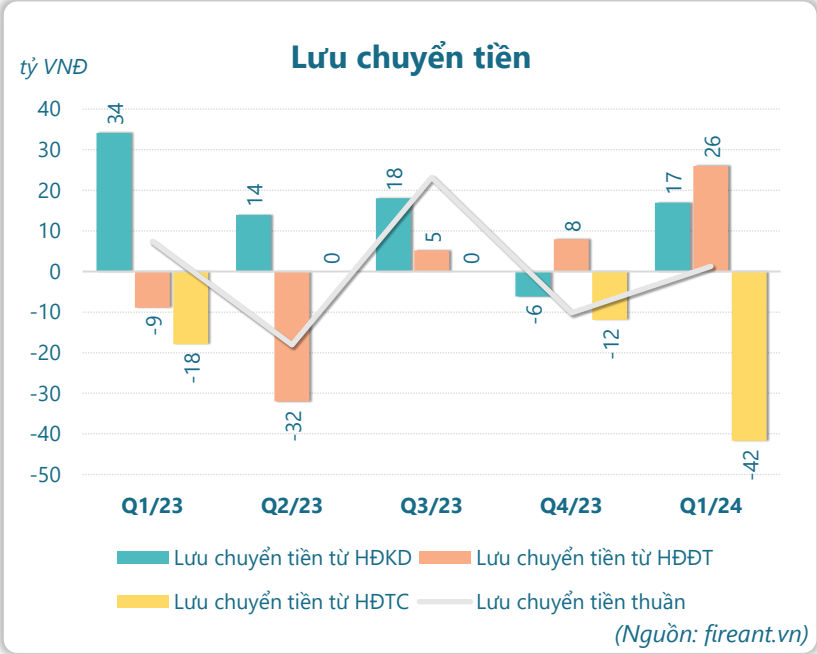
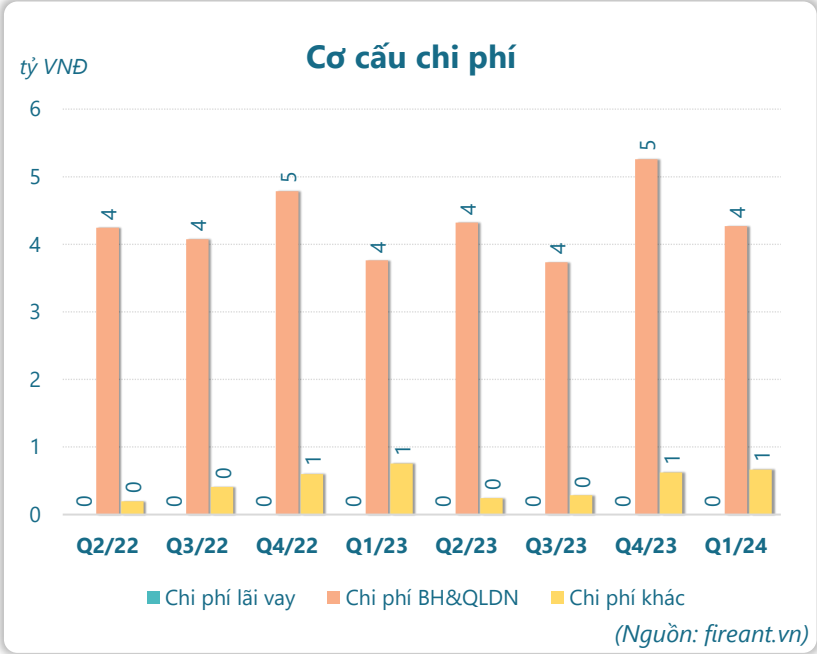
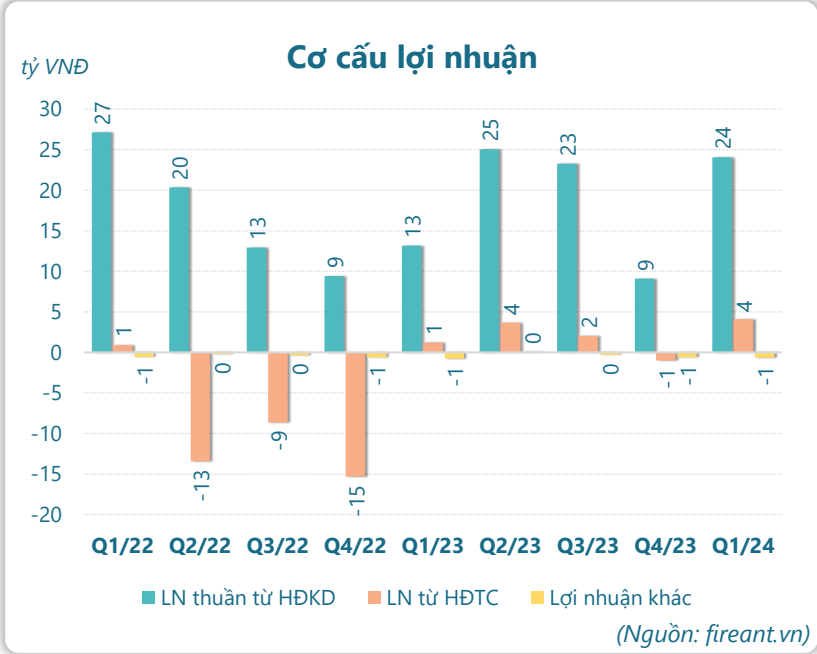
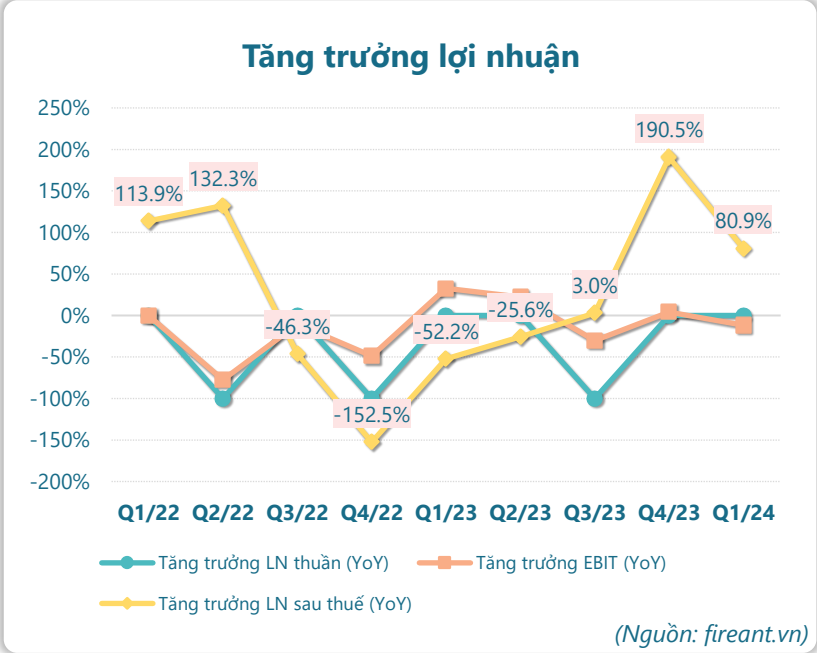
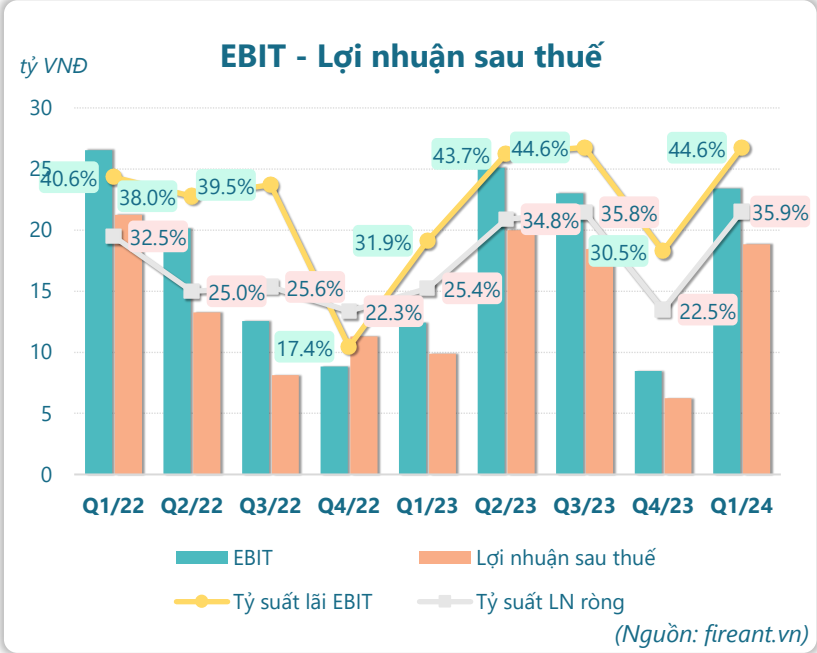
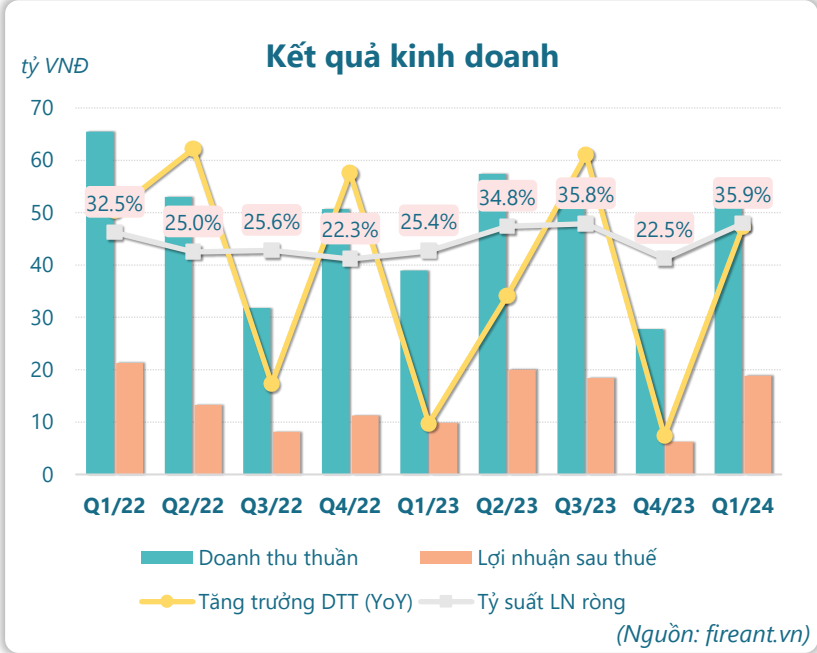
ROE

2023

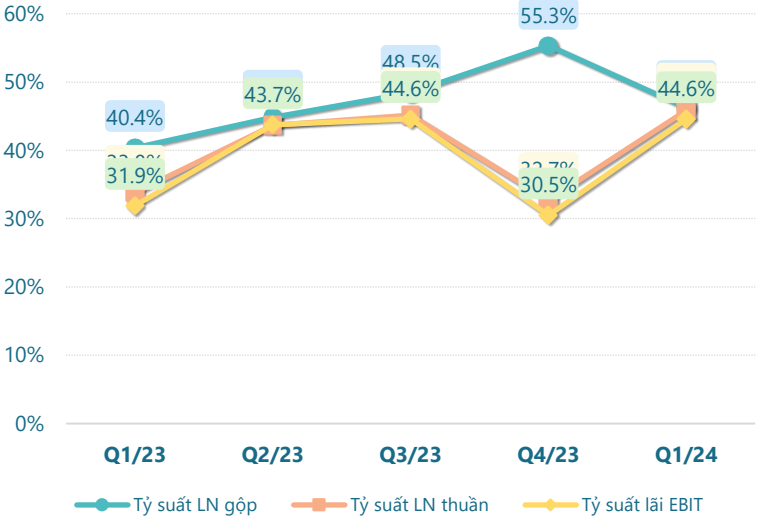
28.9%

+/- YoY: ▲ 0.2%

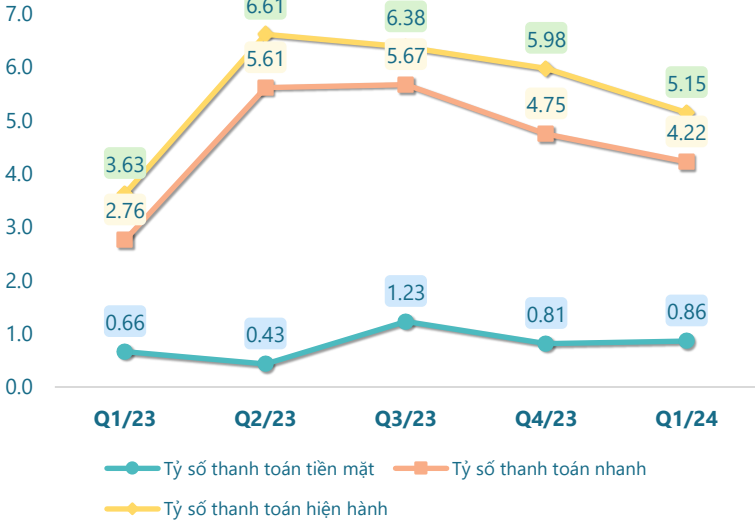




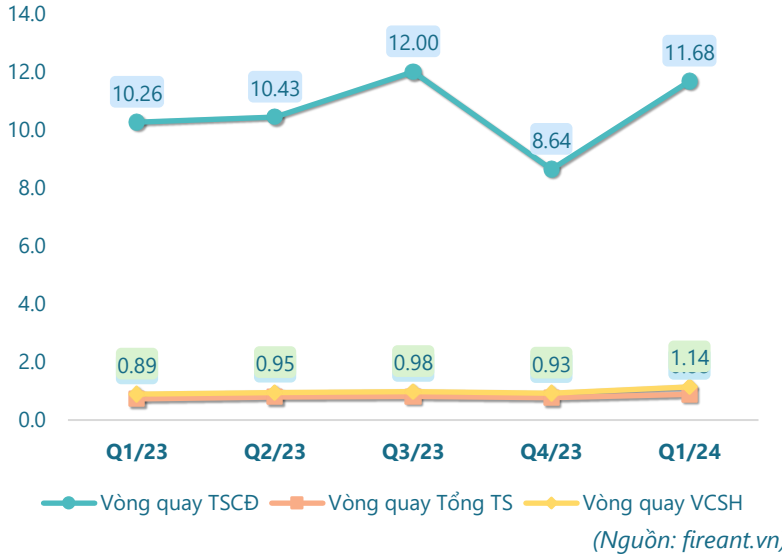
Tỷ suất lợi nhuận



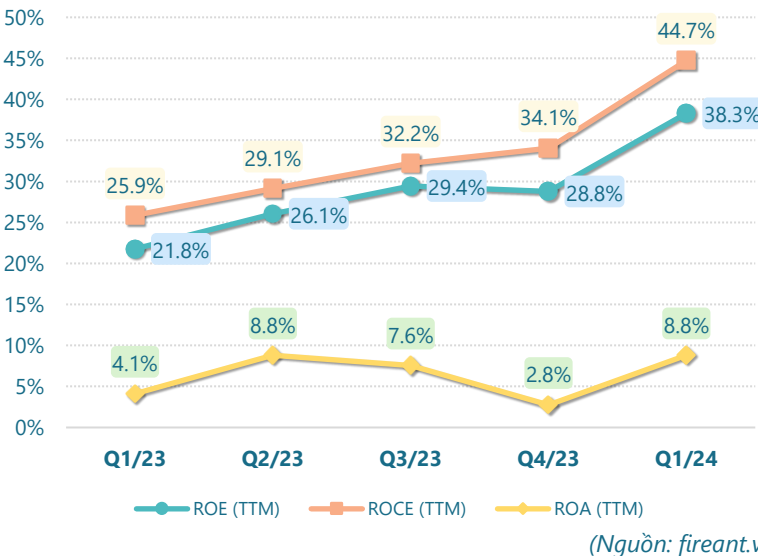
Chỉ số thanh khoản



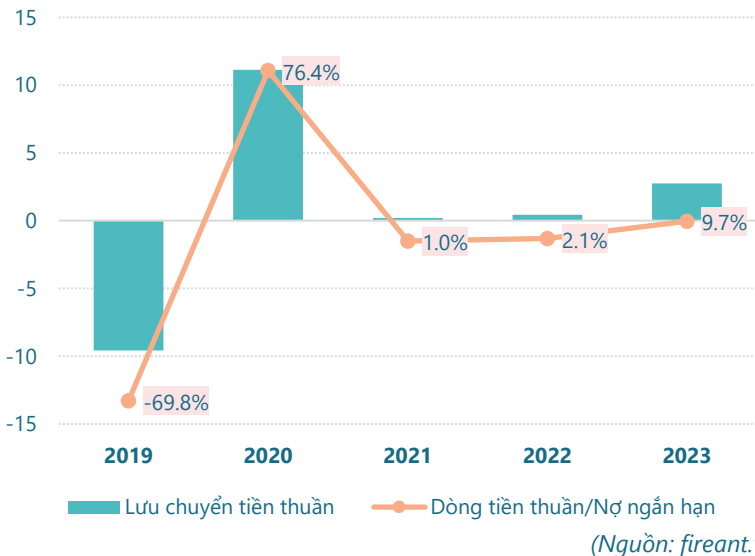
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

